

Số: 15/NQ-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**TỔNG CÔNG TY CHUYỂN PHÁT NHANH BƯU ĐIỆN – CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu Điện ngày 26/04/2018;

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 với một số nội dung chủ yếu:**

1.1 Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2017		Thực hiện 2017		
		KH 2017	% so TH 2017	Thực hiện 2017	% so TH 2016	% so KH 2017
1	Tổng doanh thu	1.165.000	125,22%	1.242.783	133,58%	106,68%
2	Tổng chi phí	1.115.000	124,92%	1.190.778	133,41%	106,80%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	50.000	132,27%	52.006	137,58%	104,01%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	39.848	132,44%	40.965	136,15%	102,80%
5	Tỷ lệ cổ tức	10%	100,00%	12%	120,00%	120,00%

1.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2018

- Tổng doanh thu: 1.638 tỷ đồng, tăng 31,8% so với doanh thu thực hiện năm 2017;
- Lợi nhuận trước thuế: 57 tỷ đồng, tăng 9,61% so với lợi nhuận thực hiện năm 2017;
- Lợi nhuận sau thuế: 45,40 tỷ đồng, tăng 10,84 % so với lợi nhuận sau thuế năm 2017;
- Tỷ lệ cổ tức: 12%/cổ phần, tương đương tỷ lệ cổ tức năm 2017.

(Chi tiết tại Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 kèm theo).



**Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2017 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 với một số nội dung chủ yếu sau:**

2.1 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2017:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ % 2017/2016
<b>1</b>	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>930.356</b>	<b>1.242.783</b>	<b>133,58%</b>
1.1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	927.166	1.238.251	133,55%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	2.531	3.288	129,91%
1.3	Thu nhập khác	659	1.244	188,77%
<b>2</b>	<b>Chi phí</b>	<b>892.556</b>	<b>1.190.778</b>	<b>133,41%</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>37.800</b>	<b>52.005</b>	<b>137,58%</b>
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức</b>	<b>10%</b>	<b>12%</b>	<b>120%</b>

2.2 Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ% 2018/2017
<b>1</b>	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>1.242.783</b>	<b>1.638.000</b>	<b>131,80%</b>
1.1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.238.251	1.634.100	131,97%
1.2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	3.288	3.000	91,25%
1.3	Thu nhập khác	1.244	900	72,35%
<b>2</b>	<b>Chi phí</b>	<b>1.190.778</b>	<b>1.581.000</b>	<b>132,77%</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>52.005</b>	<b>57.000</b>	<b>109,60%</b>
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ cổ tức</b>	<b>12%</b>	<b>12%</b>	<b>100,00%</b>

*(Chi tiết tại Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2017 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018 kèm theo).*

**Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 (Báo cáo số 17/BKS-EMS ngày 26/04/2018 của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 kèm theo).**

**Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017**

4.1 Một số chỉ tiêu chính trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017
<b>1</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>408.750</b>	<b>464.454</b>
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>179.001</b>	<b>195.960</b>



2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	91.591	91.591
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	57.321	63.404
2.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.088	40.965

#### 4.2 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Cách tính	2016	2017	Tỷ lệ % 2017/2016
<b>1</b>	<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>(a)</b>	<b>936.302</b>	<b>1.238.251</b>	<b>132,25%</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(b)	9.136	0	
3	Doanh thu thuần	(c=a-b)	927.166	1.238.251	133.55%
<b>4</b>	<b>Giá vốn cung cấp dịch vụ</b>	<b>(d)</b>	<b>760.214</b>	<b>1.032.885</b>	<b>135,87%</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ</b>	<b>(e=c-d)</b>	<b>166.952</b>	<b>205.366</b>	<b>123,01%</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	(f)	2.531	3.288	
7	Chi phí tài chính	(g)	1.460	784	
8	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	(h)	130.844	155.292	
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh</b>	<b>(i=e+f-g-h)</b>	<b>37.179</b>	<b>52.578</b>	<b>141,42%</b>
10	Thu nhập khác	(k1)	659	1.244	
11	Chi phí khác	(k2)	37	1.817	
12	Lợi nhuận khác	(k=k1-k2)	621	-573	
<b>13</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(l=i+k)</b>	<b>37.800</b>	<b>52.006</b>	<b>137,58%</b>
14	Thuế TNDN hiện hành	(m)	7.712	11.041	
<b>15</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(p=l-m-n)</b>	<b>30.088</b>	<b>40.965</b>	<b>136,15%</b>

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 đính kèm)

#### Điều 5. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Công ty TNHH Kiểm toán VACO là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Tổng công ty.

#### Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

TT	Nội dung	Số tiền (VND)	Ghichú
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2017</b>	<b>52.005.795.876</b>	<b>(a)</b>
1.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.040.618.675	(b)
1.2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2017	<b>40.965.177.201</b>	(c=a-b)
<b>2</b>	<b>Phân phối LN sau thuế thực hiện năm 2017</b>	<b>40.965.177.201</b>	<b>(c)</b>

2.1	Trả thù lao cho HĐQT và BKS theo mức chi đã được ĐHCĐ thường niên năm 2017 thông qua	501.552.000	(d)
2.2	Chia cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 12%/cổ phần	10.990.950.000	(e) = 12% x 9.159.125 x 10.000
<b>2.3</b>	<b>Lợi nhuận còn lại</b>	<b>29.472.675.201</b>	<b>(f=c-d-e)</b>
a	Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành tương đương 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của cán bộ quản lý	461.284.071	(g)
b	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương đương 1,2 tháng lương thực hiện của CBCNV	23.911.200.000	(h) = 1,2 x 13.500.000 x 1.476
c	Trích Quỹ đầu tư phát triển	5.100.191.130	(i) = f-g-h

**Điều 7. Thông qua Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và mức thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018**

**7.1 Tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017:**

ST T	Chức danh	Kế hoạch 2017			Thực hiện 2017	
		Số lượng b.quân (người/tháng)	Bình quân 2017 (VND/ người/tháng)	Thù lao kế hoạch (VND)	Bình quân thực hiện năm 2017 (VND/ người/tháng)	Thù lao thực hiện (VND)
<b>I</b>	<b>Cán bộ đại diện vốn</b>		<b>10.800.000</b>	<b>259.200.000</b>	<b>11.664.000</b>	<b>279.936.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	1	12.000.000	144.000.000	12.960.000	155.520.000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	9.600.000	115.200.000	10.368.000	124.416.000
<b>II</b>	<b>Cán bộ không đại diện vốn</b>		<b>8.550.000</b>	<b>205.200.000</b>	<b>9.234.000</b>	<b>221.616.000</b>
1	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	1	9.600.000	115.200.000	10.368.000	124.416.000
2	Thành viên BKS kiêm nhiệm	1	7.500.000	90.000.000	8.100.000	97.200.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>464.400.000</b>		<b>501.552.000</b>

**7.2 Mức thù lao, tiền lương của HĐQT và Ban kiểm soát kế hoạch năm 2018:**



TT	Chức danh	Số lượng	Thù lao bình quân (đồng/người/tháng)
<b>I</b>	<b>Thù lao của các cán bộ kiêm nhiệm</b>		
1	Chủ tịch HĐQT	1	11.880.000
2	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm	2	9.720.000
3	Thành viên BKS kiêm nhiệm	2	7.560.000
<b>II</b>	<b>Tiền lương của các cán bộ chuyên trách</b>		
1	Trưởng BKS chuyên trách	1	33.750.000
2	Thành viên BKS chuyên trách	1	20.250.000

(Chi tiết tại Tờ trình số 1958/TTr-HĐQT ngày 26/04/2018 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017; Thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2017 và mức thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS kế hoạch năm 2018 kèm theo).

#### **Điều 8. Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ Tổng Công ty**

Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng công ty và giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty xây dựng phương án tăng vốn trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Điều 9. Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Tổng công ty** (Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm).

**Điều 10. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty** (Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty đính kèm).

#### **Điều 11. Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023**

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 bao gồm 03 thành viên:

1. Ông Phạm Tất Thành
2. Bà Trần Thanh Hà
3. Bà Nguyễn Thị Hằng.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên nhất trí thông qua.

#### **Nơi nhận:**

- UBCKNN, HNX, cổ đông (để báo cáo),
- TV.HĐQT; Ban Tổng Giám đốc (để t/hện),
- Ban kiểm soát (để giám sát),
- Lưu HĐQT.

**TM/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Chu Thị Lan Hương**